

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2018/DS-PT.

Ngày 23/11/2018.

V/v : “ Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Như Hiền.
Ông Dương Thế Vinh.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Tuyết– Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 23/11/ 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 81/2018/TLPT- DS ngày 27/8/ 2018 Về việc: " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 08/2018/DS - ST ngày 22/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 99 /2018/QĐ-PT ngày 08/10/2018, Thông báo mở lại phiên tòa số 500/2018/TB-TA ngày 12/10/2018; Quyết định tạm ngừng phiên tòa ngày 24/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 105 /2018/QĐ-PT ngày 19/11/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Văn L; sinh năm: 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn H 3; xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q; sinh năm 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm N, Thôn H 1; xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Nguyễn Thị H; sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm N ,Thôn H 1; xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

3.2. Chị Nguyễn Thị L; sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn M; xã P; huyện Q; tỉnh Bắc Ninh.

4. Người làm chứng:

4.1. Anh Nguyễn Văn C; sinh năm 1976(vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H 3; xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

4. 2. Anh Nguyễn Văn H1; sinh năm 1973. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H 3; xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

4.3 Anh Nguyễn Văn G ; sinh năm 1978 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm G, thôn N, xã H, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

4.4 Anh Nguyễn Mậu Q1 ; sinh năm 1960 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

5. Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Văn Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 26/7/2017 và bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn là anh Lê Văn L trình bày:

Do có sự quen biết từ trước nên đã có nhiều lần anh L cho anh vợ chồng anh Q vay tiền, nhưng khi vay hai bên nhiều lần không viết giấy biên nhận. Vào ngày 24 tháng 10 năm 2014 anh Q có đến hỏi vay tiền của anh L để làm ăn buôn bán, nên anh L đã cho anh vợ chồng anh Q, chị H vay số tiền 200.000.000 đồng, khi vay hai bên có thỏa thuận lãi xuất theo ngân hàng nhà nước bằng miệng, thời gian vay không ấn định, nhưng chỉ ấn định khi nào cần báo trước cho anh Q 15 ngày. Khi vay hai bên có viết giấy biên nhận.

Mặc dù anh L đã thông báo cho anh Q, chị H nhiều lần nhưng cho đến nay vợ chồng anh Q vẫn chưa trả được bất cứ một khoản tiền nào.

Anh L xác định tờ giấy do anh Q xuất trình cho Tòa án là đúng chữ viết của anh, đây là tờ giấy nháp của anh chứ không phải là tờ giấy biên nhận tiền của ai khác và anh cũng không có bất cứ chữ ký nào vào tờ giấy này. Anh xác định anh Q nhặt tờ giấy này ở đâu đó. Mặt khác anh L xác định anh thường xuyên cho nhiều người là bạn bè vay tiền thậm chí cũng rất nhiều người tên là Q.

Nay anh L yêu cầu vợ chồng anh Q, chị H phải trả anh số tiền 200.000.000 đồng gốc và số tiền lãi từ khi vay đến khi ngày 24 tháng 5 năm 2018 theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước.

*Bị đơn là anh Nguyễn Văn Q trình bày: Do có sự quen biết, nên ngày 24/10/2014 anh Q có vay của anh L 200.000.000 đồng, khi vay có làm giấy biên nhận nhưng không hẹn ngày trả và cũng không thỏa thuận lãi suất. Nay anh Q xác định anh đã trả cho anh L cả gốc và lãi tổng cộng 250.000.000 đồng, cụ thể các lần trả như sau:

- Ngày 28/12/2016 (âm lịch) khoảng từ 16 đến 17 giờ vợ chồng anh Q trả cho anh L tại nhà anh Q 200.000.000 đồng.

- Khoảng tháng 6 năm 2015 (dương lịch) trả 10.000.000 đồng.

- Khoảng tháng 9 năm 2015 (dương lịch) trả 10.000.000 đồng.

- Ngày 30/4/2017 (dương lịch) có nhờ anh Trần Văn C trả hộ 25.000.000 đồng.

- Ngày 22/6/2017 (dương lịch) có nhờ anh Nguyễn Văn H1 (là anh ruột chị H) trả hộ 5.000.000 đồng.

Vì là chỗ thân tình nên khi trả không có viết giấy biên nhận trả cụ thể, mà anh L chỉ viết cho một tờ giấy có ghi và cộng số tiền gốc và lãi mà thôi.

Nay anh Q xác định đã trả hết số tiền gốc 200.000.000 đồng và 50.000.000 đồng lãi cho anh L. Nay anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị là vợ anh L, chị có nghe thấy anh L có cho vợ chồng anh Q vay 200.000.000 đồng gốc vào khoảng năm 2014. Mặc dù chồng chị có đòi nhiều lần nhưng anh Q, chị H chưa trả. Nay anh L khởi kiện buộc vợ chồng anh Q phải trả chồng chị là đúng.

Chị L đề nghị không đưa chị tham gia tố tụng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, việc chồng chị cho vợ chồng anh Q, chị H vay tiền là việc riêng của chồng chị. Nay chị đề nghị Tòa án hòa giải, xét xử vắng mặt.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị là vợ anh Q, chị không trực tiếp vay tiền của anh L, chỉ đến khi anh L đòi tiền thì chị mới biết có việc vay mượn tiền 200.000.000 đồng. Quá trình vay chồng chị đã trả cho anh L, cụ thể:

- Ngày 28/12/2016 (âm lịch) khoảng từ 16 đến 17 giờ vợ chồng anh Q trả cho anh L tại nhà anh Q 200.000.000 đồng.

- Khoảng tháng 6 năm 2015 (dương lịch) trả 10.000.000 đồng.

- Khoảng tháng 9 năm 2015 (dương lịch) trả 10.000.000 đồng.

- Ngày 30/4/2017 (dương lịch) có nhờ anh Trần Văn C trả hộ 25.000.000 đồng.

-Ngày 22/6/2017 (dương lịch) có nhờ anh Nguyễn Văn H1 (là anh ruột chị H) trả hộ 5.000.000 đồng.

Khi anh Q vay tiền của anh L chị không được biết, về sau này chị mới được biết việc hai bên vay tiền của nhau.

Nay chị H xác định anh Q đã trả cho anh L được 200.000.000 đồng gốc và 50.000.000 đồng tiền lãi. Do là chỗ thân tình nên mỗi lần trả tiền hai bên không viết giấy biên nhận, chỉ có tờ chót nợ trả gốc mà anh L ghi cho chồng chị mà thôi. Vì vậy chị H xác định đến nay không còn nợ tiền của anh L nữa.

*Nhân chứng là anh Trần Văn C trình bày: Anh với anh L, anh Q đều là chỗ tình cảm, anh L có cho anh Q vay tiền hay không thì anh C không được biết. Vào tháng 4 năm 2017 anh Q điện cho anh bảo anh đưa cho anh L 25.000.000 đồng nên tôi đã đưa cho anh L 25.000.000 đồng, khi đưa không viết giấy biên nhận. Đối với số tiền anh đưa cho anh L 25.000.000 đồng anh không biết là tiền gì.

Do công việc rất bận nên anh C đề nghị giải quyết, hòa giải, xét xử vắng mặt.

*Nhân chứng là anh Nguyễn Văn H1 trình bày: Việc anh L, anh Q vay tiền như thế nào anh hoàn toàn không biết. Vào khoảng thời gian nào năm 2017 anh được anh Q điện thoại cho anh nói là đưa cho anh L 5.000.000 đồng hộ, sau đó anh đưa ngay cho anh L, khi đưa không viết giấy biên nhận gì. Tiền này anh đưa cho anh L anh cũng không biết là tiền như thế nào.

Nay do công việc rất bận nên anh H1 đề nghị Tòa án giải quyết, hòa giải, xét xử vắng mặt.

Với nội dung nêu trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2018/DS - ST ngày 22/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 3 điều 26, điều 35; điều 39; điều 70; điều 71; điều 72; điều 147; điều 235; điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm c, d khoản 1 điều 688; Điều 429 Bộ luật dân sự 2015; Các điều 471, 473, 474, khoản 2 điều 476 của Bộ luật dân sự 2005. Áp dụng điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn L.

Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn Q, chị Nguyễn Thị H phải thanh toán trả anh Lê Văn L số tiền gốc 200.000.000 đồng (hai trăm mươi triệu đồng) tiền lãi là 64.500.000 đồng (Sáu tư triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi là: 264.500.000 đồng (Hai trăm sáu tư triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 17/7/2018 bị đơn là anh Nguyễn Văn Q kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DS - ST ngày 22/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Lê Văn L là nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn anh Nguyễn Văn Q không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày: Không đồng ý với bản án sơ thẩm vì tôi đã trả gốc và lãi là 250.000.000 đồng. Việc tôi trả tiền cho anh H1, anh C làm chứng và anh L còn viết giấy cho tôi xác nhận. Khi vay tiền có làm giấy biên nhận nhưng không có thỏa thuận về thời gian trả, mức lãi suất. Đề nghị HĐXX xem xét giấy tờ anh L xác nhận tôi đã trả tiền gốc cho anh L. Tôi vay 1 lần duy nhất. Sau khi vay hơn 1 năm thì anh L đòi tiền tôi. Vì số tiền này tôi vay hộ anh G (bạn tôi làm xây dựng ở nhà ở N, xã H, huyện V) nên tôi cùng anh L đến nhà anh G đòi nợ, anh G trả được 2 lần là 20 triệu, anh L còn xui tôi lấy đất nhà anh G để trừ nợ. Hiện nay anh G đang lái xe ở Hải Dương. Việc anh C, anh H1 trả nợ hộ thì các anh có làm giấy tờ hay không tôi không biết.

- Nguyên đơn anh Lê Văn L trình bày: không nhất trí với trình bày của anh Q vì tờ giấy anh Q cung cấp là do tôi viết nháp, có thể anh Q đến nhà tôi chơi nhặt được, còn của anh Q nào thì tôi không nhớ được vì tôi có nhiều người quen biết tên Q. Nếu tôi viết cho anh Q thì phải ghi rõ họ tên anh Q hoặc tên của vợ anh Q là chị H vào nữa. Hoặc là phải viết và ký rõ là đã nhận tiền của anh Q. Vì khi cho vay có giấy tờ đầy đủ thì khi trả cũng vậy. Ngoài ra, vì anh Q chưa trả tiền nên tôi mới giữ lại giấy tờ gốc để kiện được.

Tôi có cho anh Nguyễn Mậu Q1 ở huyện Q, B và chị Nguyễn Thị Q ở phường Đ, thành phố B vay tiền nhiều lần nhưng đã trả hết, không nhớ được nữa. Ngoài ra còn rất nhiều anh Q nữa tôi không thể nhớ hết. Tất cả những người vay tiền tôi khi trả tiền xong là hủy giấy vay tiền đi nên không thể nhớ được. Tôi cũng không nhớ anh Q nào đã nào đã vay tiền mà có liên quan đến ngày 24/10/2014. Việc anh Q cho anh G vay tiền như thế nào tôi không biết, tôi không liên quan gì đến việc đòi nợ của anh G.

- Người làm chứng anh Nguyễn Mậu Q1 trình bày: anh có vay tiền của anh L nhưng đã trả xong, anh không còn nhớ có khoản vay nào 200 triệu, vay ngày 24/10/2014 hay không.

- Người làm chứng anh Nguyễn Văn G trình bày: Năm 2014 anh Q có vay hộ anh tiền đáo hạn ngân hàng. Sau đó, không vay được ngay, đến ngày 24/10/2017 mới vay được Ngân hàng và trả anh Q để anh Q trả anh L. Quá trình vay anh L, anh Q có đến nhà đòi tiền vài lần. Ngoài 200.000.000 đồng tiền gốc thì tôi còn trả cho anh Q 50.000.000 đồng để trả lãi cho anh L. Do anh L tính tiền lãi quá cao so với số tiền vay gốc 200.000.000 đồng nên tôi và anh Q không chấp nhận trả mức tiền lãi như vậy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, tranh tụng tại phiên tòa. Cấp sơ thẩm buộc anh Q trả tiền gốc và lãi cho anh L là không có căn cứ. Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn Q, xác định anh Q đã trả anh L 200.000.000 đồng tiền gốc ngày 24/01/2017, trả lãi 20 triệu đồng. Số tiền anh Q khai trả 30 triệu cho anh L, anh L không thừa nhận nên không có căn cứ chứng minh và chấp nhận quan điểm của anh Q. Như vậy, xác định từ khi vay ngày 24/10/2014 đến ngày 24/01/2017 anh Q mới trả được cho anh L 20 triệu tiền lãi, số tiền lãi 243.000.000 đồng không được chấp nhận vì quá cao so với quy định. Tiền lãi được tính theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước là phù hợp. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2, Điều 308; Điều 309- BLTTDS, sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L đòi tiền gốc đối với anh Q. Xác định anh Q đã trả số tiền gốc. Buộc anh Q phải trả số tiền lãi còn thiếu. Anh L phải chịu án phí phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận. Anh Q không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn Q được nộp cho Tòa án nhân dân huyện V trong thời hạn quy định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276 – Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó kháng cáo của anh Nguyễn Văn Q là hợp lệ và HĐXX chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về sự vắng mặt của một số người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, HĐXX thấy những người này đã có bản tự khai và quan điểm trong hồ sơ vụ án, có quan điểm xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án. HĐXX căn cứ vào quy định của pháp luật tại khoản 3, Điều 296- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt những người này.

[3]. Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 08/2018/DS - ST ngày 22/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang, HĐXX thấy:

[3.1]. Ngày 24/10/2014 anh Nguyễn Văn Q vay của anh Lê Văn L số tiền 200.000.000 đồng, hai bên có viết giấy biên nhận vay tiền. Thời gian vay không thể hiện, lãi suất thỏa thuận miệng. Quá trình vay sau đó anh L đòi tiền nhiều lần không được và đã làm đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu anh Q phải trả số tiền 200.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước quy định.

Anh Nguyễn Văn Q không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn L, anh Q cho rằng đã trả tiền gốc 200.000.000 đồng vào ngày 24/01/2017 và 50.000.000 đồng tiền lãi cho anh L. Anh Q cung cấp 1 giấy viết tay do anh L viết có nội dung thể hiện: Q ngày 24/10/2014 “chả gốc” và tính toán số tiền lãi. Số tiền vay từ ngày 24/10/2014 đến ngày 24/01/2017 là 27 tháng, mức tiền lãi 9 triệu đồng/ 1 tháng = 243.000.000 đồng, trừ 20 triệu đã trả còn 223.000.000 đồng. Việc đã trả hết nợ cho anh L chưa thì anh Q đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh L thừa nhận chữ viết trong tờ giấy mà anh Q cung cấp cho Tòa án là chữ của anh viết nhưng đó chỉ là bản nháp, không thể hiện nội dung anh đã nhận tiền do anh Q trả. Lý do anh Q có tờ giấy đó là do có thể đến nhà anh chơi nhặt được. Mặt khác, anh còn cho nhiều người khác tên Q vay tiền, vì vậy không chấp nhận quan điểm của anh Q về việc đã trả tiền gốc như giấy anh Q cung cấp cho Tòa án.

Quá trình xét xử phúc thẩm, anh L có cung cấp bản xác nhận, tự khai ngày 01/11/2018 của anh Nguyễn Mậu Q1 (sinh năm 1960, địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh) và chị Nguyễn Thị Q (sinh năm 1969, địa chỉ: khu 6, phường Đ, thành phố B) về việc có vay tiền của anh L nhiều lần và đã thanh toán xong.

Anh Q có cung cấp sự việc vay tiền của anh L là vay hộ anh Nguyễn Văn G, sau đó anh G đã vay được tiền Ngân hàng và đưa cho anh Q để trả anh L số tiền đã vay 200.000.000 đồng.

Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1978, địa chỉ: xóm G, thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang có bản tường trình sự việc gửi đến Tòa án xác nhận nội dung nhờ anh Q vay tiền hộ năm 2014, anh Q cùng anh L đến đòi tiền, sau đó vay được tiền Ngân hàng ngày 24/01/2017 trả cho anh Q. Ngoài ra còn đưa cho anh Q 50.000.000 đồng để trả lãi cho anh L.

[3.2]. Căn cứ vào tài liệu do anh Nguyễn Văn Q cung cấp, HĐXX thấy:

Tại văn bản có nội dung liên quan đến người tên Q, liên quan đến việc tính thời gian vay từ ngày 24/10/2014 đến ngày 24/10/2017, số tiền lãi 1 tháng là 9 triệu đồng, số tiền phải trả tổng cộng là 243.000.000 đồng, số tiền đã nhận là 20.000.000 đồng, còn nợ 223.000.000 đồng. Tờ giấy này còn có nội dung ‘Chả gốc’. Việc anh Nguyễn Văn Q trình bày ngày 24/01/2017 khoảng 27,28 tết âm lịch anh Nguyễn Văn G có vay được tiền Ngân hàng mang đến trả để anh trả cho anh L. Khi anh L đến đòi thì vợ chồng anh Q đã trả tiền cho anh L và anh L viết giấy đó đưa cho anh, không có việc anh nhặt được tờ giấy đó của anh L, anh L nêu ra lý do đó là không đúng.

HĐXX thấy lời khai của anh Q là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ tài liệu khác là giấy xác nhận của anh G, lời khai của chị H vợ anh Q, nội dung tờ giấy

mà anh Q cung cấp phù hợp các thông tin thể hiện trên giấy vay tiền anh Nguyễn Văn Q vay anh Lê Văn L ngày 24/10/2014.

Lời khai của anh Lê Văn L về việc anh Nguyễn Văn Q nhặt được tờ giấy anh viết nháp, không phải trường hợp của anh Q (vợ là chị H) là không có cơ sở chấp nhận. Mặc dù anh Nguyễn Mậu Q, chị Nguyễn Thị Q có xác nhận vay tiền của anh Lê Văn L nhưng không thể hiện nội dung phù hợp với khoản vay ngày 24/10/2014 và số tiền vay cụ thể. Vì vậy, HĐXX thấy không có cơ sở xác định người làm chứng của anh Nguyễn Mậu Q, chị Nguyễn Thị Q có liên quan đến nội dung tờ giấy mà anh Nguyễn Văn Q cung cấp cho Tòa án.

Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án khẳng định ngoài giấy vay tiền ngày 24/10/2014 thì anh Nguyễn Văn Q không vay của anh Lê Văn L khoản tiền nào khác.

[3.3]. Từ những nội dung trên HĐXX thấy tài liệu mà anh Nguyễn Văn Q cung cấp là có giá trị chứng minh việc anh Nguyễn Văn Q đã trả số tiền gốc của khoản vay ngày 24/10/2014 vào ngày 24/01/2017 cho anh Lê Văn L. Vì vậy cần chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn Q về nội dung đã trả tiền gốc cho anh Lê Văn L.

[3.4]. Tại ngày trả nợ 24/01/2017 anh Lê Văn L đã tính toán số tiền lãi là 9 triệu đồng/1 tháng, thời gian vay là 27 tháng bằng 243.000.000 đồng. Anh L xác nhận anh Q đã trả 20 triệu đồng tiền lãi còn nợ tiền lãi là 223.000.000 đồng. Như vậy, có thể xác định tại thời điểm ngày 24/01/2017 anh Nguyễn Văn Q đã trả xong số nợ gốc cho anh Lê Văn L, tức là đã trả số tiền gốc 200.000.000 đồng. Về số tiền lãi như anh L tính toán mức 9 triệu đồng/ 1 tháng của số tiền gốc 200.000.000 đồng là tương đương 4,5%/ 1 tháng. Mức lãi suất này là vượt quá quy định của pháp luật tại Điều 476-Bộ luật Dân sự năm 2005. Do đó mức lãi suất này không được chấp nhận. Xét quá trình vay tiền anh L, anh Q không thỏa thuận mức lãi suất cụ thể bằng văn bản, khi khởi kiện anh L yêu cầu tính tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản Ngân hàng Nhà nước quy định. Vì vậy HĐXX xác định lại tiền lãi của khoản vay 200.000.000 đồng từ ngày 24/10/2014 đến ngày 24/01/2017 theo mức như sau:

Tại thời điểm các bên cho nhau vay tiền, mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước công bố là 9%/ 1năm theo Quyết định số 2868 ngày 29/11/2010 của

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, số tiền lãi là: 200.000.000 đồng x 9 %/ năm x 2 năm 3 tháng = 40.500.000 đồng.

Tại văn bản tính toán ngày 24/01/2017 anh L xác nhận anh Q đã trả 20 triệu đồng. Đây là sự xác nhận của anh L nên cần xác định anh L đã nhận 20 triệu đồng này. Như vậy đối trừ đi đến thời điểm ngày 24/01/2017 số tiền lãi anh Nguyễn Văn Q còn nợ anh Lê Văn L là: 40.500.000 đồng – 20.000.000 đồng = 20.500.000 đồng.

Quá trình giải quyết anh Nguyễn Văn Q khai có nhờ anh C, anh H1 trả hộ cho anh L số tiền 30 triệu đồng nhưng không có căn cứ chứng minh, mặt khác anh L không chấp nhận có nhận tiền của anh C, anh H1. Do đó không có căn cứ chấp nhận lời khai của anh Nguyễn Văn Q đã trả cho anh Lê Văn L số tiền 30.000.000 đồng.

Từ những nội dung trên HĐXX thấy rằng anh Nguyễn Văn Q đã trả cho anh Lê Văn L số tiền gốc vay ngày 24/10/2014 là 200.000.000 đồng vào ngày 24/10/2017 và đã tiền lãi từ khi vay đến ngày 24/10/2017 được 20 triệu đồng. Số tiền lãi anh Q còn phải trả cho anh L là 20.500.000 đồng. Cần buộc anh Nguyễn Văn Q, chị Nguyễn Thị H phải tiếp tục trả cho anh Lê Văn L.

[3.5]. Vì vậy, trên cơ sở đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, HĐXX thấy có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn Q. Áp dụng khoản 2, Điều 308; Điều 309- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Do sửa bản án sơ thẩm nên căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 148- Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4, Điều 26 và khoản 2, Điều 29 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên án phí sơ thẩm được xác định lại, anh Lê Văn L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận; anh Nguyễn Văn Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại anh Q số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 3, Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 70; Điều 71; Điều 72; Điều 147; khoản 2, Điều 148; Điều 235; Điều 271; Điều 273; khoản 3, Điều 296; khoản 2, Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm c, điểm d, khoản 1 Điều 688; Điều 429; Điều 357; khoản 2, Điều 468- Bộ luật Dân sự 2015; Điều 471; Điều 473; Điều 474; khoản 2, Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 12; khoản 4, Điều 26; khoản 2, Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

[1]. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Văn Q, sửa bản án sơ thẩm số 08/2018/DS - ST ngày 22/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang.

[2]. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn L kiện đòi anh Nguyễn Văn Q phải trả số tiền gốc 200.000.000 đồng vay ngày 24/10/2014.

[3]. Xác định anh Nguyễn Văn Q đã trả cho anh Lê Văn L số tiền gốc 200.000.000 đồng vào ngày 24/01/2017.

[4]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn L đối với anh Nguyễn Văn Q về việc đòi tiền lãi của số tiền gốc là 200.000.000 đồng vay ngày 24/10/2014.

Xác định số tiền lãi của khoản vay 200.000.000 đồng từ ngày 24/10/2014 đến ngày 24/01/2017 là 40.500.000 đồng.

Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn Q, chị Nguyễn Thị H phải thanh toán trả anh Lê Văn L số tiền 40.500.000 đồng nhưng được trừ đi số tiền 20.000.000 đồng đã trả anh Lê Văn L, anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị H còn phải trả anh Lê Văn L số tiền 20.500.000 đồng (Hai mươi triệu, năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành, mức lãi suất được tính theo quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5]. Về án phí:

[5.1]. Án phí sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Văn Q, chị Nguyễn Thị H phải chịu 1.025.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Lê Văn L phải chịu 10.000.000 đồng tiền án phí do không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi số tiền 200.000.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.500.000 đồng, tại biên lai thu số AA/2012/04638 ngày 08/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bắc Giang, anh Lê Văn L còn phải chịu 4.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5.2]. Án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Nguyễn Văn Q 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số: AA/2012/05057 ngày 17/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS V;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Ong Thân Thắng

